

Bản án số: **83/2025/HNGĐ-ST**

Ngày: 25-4-2025

V/v: Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Nam Tiến

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trọng Thúy

Ông Lê Hữu Tới

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tài - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Chùy - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 16/2025/TLST-HNGĐ ngày 20/02/2025 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 42/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/3/2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị H, sinh năm 1991; số CCCD: 0381910xxxxx.

Địa chỉ: Số nhà xx, Đường 4, Thôn 3, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Anh Nguyễn Hoàng T, sinh năm 1990;

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Số nhà xx, Đường 4, Thôn 3, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi cư trú hiện nay: Ba Lan.

Tại phiên tòa vắng mặt chị H (đã có đơn xin vắng mặt), anh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn là chị Hoàng Thị H trình bày:

1. Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Hoàng T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân (UBND) xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 27/10/2016. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc, do điều kiện kinh tế gia đình đến năm 2023 anh T đi sang Ba Lan làm việc. Tình cảm vợ chồng xa nhau phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do không tìm được tiếng nói chung khiến

mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng khó hàn gắn, mặc dù đã được gia đình hòa giải nhưng không có kết quả, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, mâu thuẫn vợ chồng rất trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Hoàng T để chị sớm ổn định cuộc sống của mình.

2. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Hoàng Bảo C, sinh ngày 20/9/2017 và Nguyễn Hoàng K, sinh ngày 31/12/2021. Chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng với chị.

3. Về tài sản chung và công nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận với nhau, nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Chị H trình bày không biết địa chỉ cụ thể của anh Nguyễn Hoàng T tại Ba Lan nên không thể cung cấp cho Tòa án được. Anh T vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình bố mẹ để anh T là ông Nguyễn Hồng L và bà Lê Thị H1, địa chỉ tại số nhà xx, đường 4, thôn 3, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Đề nghị Tòa án tiến hành thu thập thêm thông tin từ gia đình anh T.

* Tại buổi xác minh tại gia đình anh Nguyễn Hoàng T, Tòa án tiến hành lấy lời khai của bà Lê Thị H1. Tại biên bản lấy lời khai ngày 05/3/2025 và ngày 21/3/2025 bà H1 trình bày:

Bà là mẹ đẻ của anh Nguyễn Hoàng T và là mẹ chồng của chị Hoàng Thị H. Anh T và chị H kết hôn vào năm 2016, đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị làm ăn và sinh sống tại gia đình bà, cuộc sống hạnh phúc. Vì điều kiện kinh tế gia đình nên năm 2023, anh T đi làm ăn ở nước ngoài (nước Ba Lan), mẹ con chị H vẫn ở cùng với gia đình bà. Việc mâu thuẫn của vợ chồng các con thế nào bà cũng không biết rõ, chỉ biết vợ chồng ít nói chuyện với nhau, không còn tình cảm như trước nữa. Hiện nay, ông bà có nghe nói là chị H muốn ly hôn với anh T. Việc ly hôn của vợ chồng anh chị, ông bà không mong muốn, nhưng đây là quyền của các con nên bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Hoàng Bảo C, sinh ngày 20/9/2017 và cháu Nguyễn Hoàng K, sinh ngày 21/12/2021. Hiện nay, hai cháu đang còn nhỏ nên nếu phải ly hôn thì nguyện vọng của ông, bà là giao hai cháu cho mẹ cháu trực tiếp nuôi dưỡng vì anh T đang ở Ba Lan. Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung và cũng không nợ ai.

Gia đình bà vẫn thường xuyên liên lạc với anh T qua điện thoại, nhưng địa chỉ cụ thể nơi sinh sống và làm việc của anh T thì ông, bà không biết. Sau khi Tòa án thông báo cho bà biết việc chị H làm đơn ly hôn anh T, ông, bà cũng đã thông báo cho anh T biết. Quan điểm của anh T là đồng ý ly hôn với chị H, nhưng hiện nay anh T đang ở Ba Lan nên không về giải quyết ly hôn được, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bà đồng ý thay anh T nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và sẽ có trách nhiệm thông báo cho anh T biết.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tại phiên tòa:

Quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS).

Về nội dung: Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) chấp nhận đơn khởi kiện của chị Hoàng Thị H, xử cho chị H được ly hôn anh Nguyễn Hoàng T; về con chung: giao 02 cháu Nguyễn Hoàng Bảo C và Nguyễn Hoàng K cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung và công nợ chung: không yêu cầu nên không xem xét giải quyết; về án phí: chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền của Tòa án:

Chị Hoàng Thị H là nguyên đơn đang cư trú tại tỉnh Thanh Hóa, bị đơn là anh Nguyễn Hoàng T có đăng ký hộ khẩu tại xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa nhưng hiện nay đang sinh sống và làm việc tại Ba Lan. Trong vụ án này bị đơn cư trú ở nước ngoài, tuy nhiên bị đơn có nơi cư trú cuối cùng tại huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37 BLTTDS, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

[1.2] Về việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn:

Chị H chỉ cung cấp được địa chỉ nơi cư trú cuối cùng của anh T ở Việt Nam mà không cung cấp được địa chỉ của anh T tại nước ngoài. Tòa án đã yêu cầu nhưng bố, mẹ đẻ của anh T trình bày không biết địa chỉ anh T ở Ba Lan. Tuy nhiên, anh T vẫn thường xuyên liên lạc về cho gia đình ông, bà, vậy nên mẹ anh T là bà Lê Thị H1 vẫn nhận các văn bản tố tụng để thông báo cho anh T, vì vậy, Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục bị đơn có tình giấu địa chỉ.

[1.3] Về sự vắng mặt của đương sự:

Tại phiên tòa, vắng mặt nguyên đơn chị Hoàng Thị H, chị H đã có đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt, bị đơn anh Nguyễn Hoàng T vắng mặt mặc dù đã được Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng qua người thân đến lần thứ hai. Do đó, HĐXX căn cứ vào khoản 1 Điều 228; điểm b khoản 2 Điều 227 của BLTTDS, xét xử vắng mặt chị H và anh T.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Hoàng Thị H và anh Nguyễn Hoàng T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp.

Trong lời khai, các tài liệu có liên quan trong vụ án, chị H trình bày: Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc, do điều kiện kinh tế gia đình đến năm 2023 anh T đi sang Ba Lan làm việc. Tình cảm vợ chồng xa nhau phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do không tìm được tiếng nói chung khiến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng khó hàn gắn, mặc dù đã được gia đình hòa giải nhưng không có kết quả, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nữa.

Theo lời khai của bà Lê Thị H1 là mẹ đẻ anh T thể hiện: Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị làm ăn và sinh sống tại gia đình bà, cuộc sống vui vẻ hạnh phúc. Năm 2023, anh T đi xuất khẩu lao động tại Ba Lan từ đó đến nay. Chị H cùng các cháu vẫn ở với gia đình bà. Việc mâu thuẫn của vợ chồng các con thế nào bà cũng không biết rõ, chỉ biết vợ chồng ít nói chuyện với nhau, không còn tình cảm như trước nữa. Sau khi Tòa án thông báo cho bà biết việc chị H làm đơn ly hôn anh T, ông, bà cũng đã thông báo cho anh T biết. Quan điểm của anh T là đồng ý ly hôn với chị H, nhưng hiện nay anh T đang ở Ba Lan nên không về giải quyết ly hôn được, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng không ai quan tâm đến ai, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị H làm đơn ly hôn, quan điểm của anh T thông qua người thân trong gia đình cũng đồng ý ly hôn. Do đó, căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận cho chị Hoàng Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Hoàng T.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Hoàng Bảo C, sinh ngày 20/9/2017 và Nguyễn Hoàng K, sinh ngày 31/12/2021. Chị H đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng với chị. Xét thấy, hiện nay anh T đang ở nước ngoài, sẽ không có điều kiện trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc tốt cho con, do đó HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị H, giao cả hai cháu C và cháu K cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị H không yêu cầu là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.3] Về tài sản và công nợ chung: Chị H trình bày vợ chồng không có tài sản chung và công nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không xem xét. Anh T không có văn bản thể hiện quan điểm giải quyết về tài sản và công nợ chung nên nếu sau này anh T có yêu cầu thì có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ án khác.

[3] Về án phí: Chị Hoàng Thị H là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82,

Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 10 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Hoàng Thị H:

- Về hôn nhân: Cho chị Hoàng Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Hoàng T.

- Về con chung: Giao cả hai cháu Nguyễn Hoàng Bảo C, sinh ngày 20/9/2017 và Nguyễn Hoàng K, sinh ngày 31/12/2021 cho chị Hoàng Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh Nguyễn Hoàng T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H. Anh T có quyền qua lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

2. Về án phí: Chị Hoàng Thị H phải chịu án phí DSST về việc ly hôn là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí DSST đã nộp là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000825 ngày 11/02/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa, chị H đã nộp đủ án phí DSST.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Hoàng Thị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, anh Nguyễn Hoàng T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng ngày kể từ ngày nhận được bản án, bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa (P9);
- Cục THADS tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã H, huyện
H, tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu HSVA, Tòa GD&NCTN.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Nam Tiến

